

Số: 165 /QĐ-QLD

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành danh mục 111 thuốc sản xuất trong nước
được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 5 năm- Đợt 164 (tiếp theo)

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 7868/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 44/2014/TT-BYT ngày 25/11/2014 của Bộ Y tế quy định việc đăng ký thuốc,

Căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc - Cục Quản lý Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 111 thuốc sản xuất trong nước được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 5 năm - Đợt 164 (tiếp theo).

Điều 2. Công ty sản xuất và công ty đăng ký có thuốc lưu hành phải in số đăng ký được Bộ Y tế cấp lên nhãn thuốc và phải chấp hành đúng các quy định có liên quan tới sản xuất và lưu hành thuốc. Các số đăng ký có ký hiệu VD-...-19 có giá trị 05 năm kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Công ty sản xuất và đăng ký chỉ được sản xuất và lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5, Điều 143, Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.

Điều 4. Đối với các thuốc ban hành kèm theo quyết định này thuộc danh mục thuốc độc và nguyên liệu độc làm thuốc theo quy định tại Thông tư 06/2017/TT-BYT ngày 03/5/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc độc và nguyên liệu độc làm thuốc; công ty đăng ký, cơ sở sản xuất phải cập nhật quy định về thuốc độc trên nhãn và hướng dẫn sử dụng theo quy định tại Thông tư 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ Y tế quy định ghi nhãn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc và chỉ được sản xuất, lưu hành thuốc trên thị trường sau khi Cục Quản lý Dược phê duyệt nội dung cập nhật này.

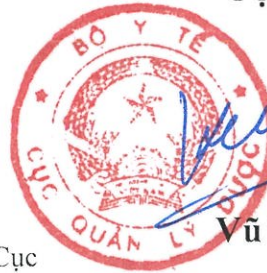
Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giám đốc công ty sản xuất và công ty đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiến (để b/c);
- TT. Trương Quốc Cường (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ CA;
- Cục Y tế giao thông vận tải- Bộ GTVT;
- Tổng Cục Hải Quan- Bộ Tài Chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Vụ Pháp chế, Cục Quản lý Y Dược cổ truyền, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế; Thanh tra Bộ Y tế;
- Viện KN thuốc TỰ và VKN thuốc TP.HCM;
- Tổng Công ty Dược VN - C.T.C.P;
- Các bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc BHYT;
- Website của Cục QLD, Tạp chí Dược Mỹ phẩm – Cục QLD;
- Lưu: VT, KDD, ĐKT (15b).

CỤC TRƯỞNG



Vũ Tuấn Cường

DANH MỤC 111 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP SỐ ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI
VIỆT NAM HIỆU LỰC 5 NĂM - ĐỢT 164 (TIẾP THEO)

Ban hành kèm theo quyết định số: 165.../QĐ-QLD, ngày 20.../3.../2019

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược - Vật tư y tế Thanh Hóa (Đ/c: 232 Trần Phú, Thanh Hoá - Việt Nam)

1.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược - Vật tư y tế Thanh Hóa (Đ/c: Số 04 Quang Trung, Tp. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Gentamicin 160mg/2ml	Gentamicin (dưới dạng Gentamicin sulfat) 160mg/2ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 ống, 20 ống, 50 ống x 2ml	VD-32488-19

1.2 Nhà sản xuất: Nhà máy sản xuất thuốc đông dược - Công ty cổ phần dược - Vật tư y tế Thanh Hóa (Đ/c: Lô 4-5-6, KCN Tây Bắc Ga, phường Đông Thọ, Tp. Thanh Hóa - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
2	Hyđan Caps	Cao khô Hy thiêm (tương đương với 2000mg Hy thiêm) 168,4mg; Cao khô Ngũ gia bì chân chim (tương đương với 680mg Ngũ gia bì chân chim) 57,2mg ; Bột Mã tiền chế 88mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ 60 viên; Hộp 1 lọ 90 viên	VD-32489-19
3	Hyđan Tab	Cao khô Hy thiêm (tương đương với 2000mg Hy thiêm) 168,4mg ; Cao khô Ngũ gia bì chân chim (tương đương với 680mg Ngũ gia bì chân chim) 57,2mg; Bột Mã	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vỉ, hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ 60 viên; Hộp 1 lọ 90 viên	VD-32490-19

		tiền chế 88mg				
--	--	---------------	--	--	--	--

2. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Apimed. (Đ/c: 263/9 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)

2.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Apimed (Đ/c: Đường N1, cụm công nghiệp Phú Thạnh - Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
4	Sipantoz 40	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri sesquihydrat) 40mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	36 tháng	USP 40	Hộp 3 vỉ, hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-32491-19

3. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh (Đ/c: 167 Hà Huy Tập, Tp. Hà Tĩnh - Việt Nam)

3.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh (Đ/c: 167 Hà Huy Tập, Tp. Hà Tĩnh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
5	Bermoric	Berberin clorid 50mg ; Mộc hương 100mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ 20 viên, hộp 1 lọ 100 viên, hộp 1 lọ 200 viên	VD-32492-19
6	Mộc hoa trắng - HT	Cao đặc mộc hoa trắng (tương đương mộc hoa trắng 1237,6mg) 136mg; Berberin clorid 5mg ; Cao đặc mộc hương (tương đương mộc hương 100mg) 10mg	Viên nén bao phim	48 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ 50 viên; Hộp 1 lọ 100 viên	VD-32493-19

3.2 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh. (Đ/c: Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên, xã Cẩm Vĩnh, huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
-----	-----------	--------------------------------	-----------------	-------------	---------------	----------------------	------------

7	Vi nang Tam thất - HT	Tam thất 500mg	Viên nang cứng (dưới dạng hạt vi nang)	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vi, 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên; Hộp 1 lọ 30 viên, hộp 1 lọ 60 viên, hộp 1 lọ 100 viên	VD-32494-19
---	-----------------------	----------------	--	----------	------	--	-------------

4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược Khoa (Đ/c: Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội - Việt Nam)

4.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược Khoa (Đ/c: Lô đất III-1.3, đường D3, KCN Quế Võ 2, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
8	Dkasolon	Mỗi 100mg hỗn dịch chứa: Mometason furoat 0,05mg	Hỗn dịch xịt mũi	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 60 liều xịt	VD-32495-19
9	Wizosone	Mỗi 100mg hỗn dịch chứa: Mometason furoat 0,05mg	Hỗn dịch xịt mũi	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 90 liều xịt, 120 liều xịt	VD-32496-19

5. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược Minh Hải (Đ/c: 322 Lý Văn Lâm, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau - Việt Nam)

5.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược Minh Hải (Đ/c: 322 Lý Văn Lâm, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
10	Trimoxstal 250/250	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 250mg; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxil) 250mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vi x 07 viên	VD-32497-19

6. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm 3/2 (Đ/c: 601 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

6.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2 (Đ/c: Số 930 C2, Đường C, KCN Cát Lái - Cụm II, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q2, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
11	Tragutan	Cineol (Eucalyptol) 100mg; Tinh dầu gừng 0,5mg; Tinh dầu tần 0,18mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; chai 40 viên	VD-32498-19

7. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm (Đ/c: Số 27 Nguyễn Thái Học, Phường Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, An Giang - Việt Nam)

7.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm (Đ/c: Đường Vũ Trọng Phụng, Khóm Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
12	Agilodin	Loratadin 10 mg	Viên nén	36 tháng	USP 40	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-32499-19

8. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A (Đ/c: KCN Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Việt Nam)

8.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A (Đ/c: KCN Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
13	Nidal Plus	Paracetamol 250 mg; Aspirin 250 mg; Cafein 65 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 1 túi nhôm chứa 1 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-32500-19

9. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên (Đ/c: 314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

9.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên (Đ/c: Lô C16, đường số 9, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
14	A.T Silymarin 117 mg	Silymarin (Chiết xuất Cardus marianus) 117 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên, hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 5 vỉ x 10 viên,	VD-32501-19

						hộp 10 vỉ x 10 viên. Chai 30 viên, chai 60 viên, chai 100 viên.	
15	Sibalyn 60mg/ 50ml	Mỗi chai 50 ml chứa: Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat) 60 mg	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai, hộp 10 chai x 50 ml	VD-32502-19
16	Sibalyn 80mg/ 50ml	Mỗi chai 50 ml chứa: Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat) 80 mg	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai, hộp 10 chai x 50 ml	VD-32503-19

10. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam (Đ/c: Số 43, Đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)

10.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam (Đ/c: Số 43, Đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
17	Bostogel	Mỗi gói 15g chứa: Nhôm hydroxyd gel 20% (tương đương 351,9mg Nhôm hydroxyd) 1759,5mg; Magnesi hydroxyd paste 31% (tương đương 400mg Magnesi hydroxyd) 1290,32mg; Simethicon emulsion 30% (tương đương Simethicon 50mg) 166,66mg	Hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 20, 26, 30 gói x 15g	VD-32504-19
18	Soluboston 20	Prednisolon (dưới dạng Prednisolon natri metasulfobenzoat) 20mg	Viên nén phân tán trong miệng	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-32505-19
19	Soluboston 20	Prednisolon (dưới dạng Prednisolon	Viên nén sủi bọt	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10	VD-32506-19

		natri metasulfobenzoat) 20mg				viên; hộp 1 chai 20 viên	
20	Vitar B1	Thiamin nitrat 250mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vi, 10 vi x 10 viên	VD-32507-19

11. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội (Đ/c: Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Tp. Hà Nội - Việt Nam)

11.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (Đ/c: Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Tp. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
21	BFS-Piracetam 4000mg/10ml	Mỗi 10 ml chứa: Piracetam 4000 mg	Dung dịch tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vi, 4 vi, 10 vi x 5 ống x 10 ml	VD-32508-19
22	Bixazol	Mỗi 10 ml chứa: Sulfamethoxazol 200mg; Trimethoprim 40mg	Hỗn dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vi, 4 vi, 6 vi, 8 vi x 5 ống x 10 ml	VD-32509-19
23	Micospray	Mỗi lọ 15 ml chứa: Miconazol nitrat 0,3 g	Nhũ tương dùng ngoài	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 15ml; Hộp 1 lọ 20 ml; 30 ml, 50 ml	VD-32510-19

12. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long (Đ/c: Số 150 đường 14 tháng 9, phường 5, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long - Việt Nam)

12.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long (Đ/c: Số 150 đường 14 tháng 9, phường 5, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
24	Panalgan Giảm đau nhức	Paracetamol 500 mg; Ibuprofen 200 mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vi, 12 vi, 20 vi x 10 viên; Hộp 25 vi x 4 viên	VD-32511-19

13. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm - Thành viên tập đoàn F.I.T (Đ/c: ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà hạ, Đức Hoà, Long An - Việt Nam)

13.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm - Thành viên tập đoàn F.I.T (Đ/c: ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà hạ, Đức Hoà, Long An - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
25	Motiridon	Mỗi 30ml chứa: Domperidon 30mg	Hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 30ml, 60ml	VD-32512-19

14. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Đ/c: 10A - Quang Trung - Hà Đông - Hà Nội - Việt Nam)

14.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Đ/c: Tổ dân phố số 4 - La Khê - Hà Đông - Tp. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
26	Cephalova	Cephalothin (dưới dạng Cephalothin natri) 2g	Thuốc bột pha tiêm	24 tháng	USP 40	Hộp 10 lọ x 2g	VD-32513-19

15. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Đ/c: 10A - Quang Trung - Hà Đông - TP. Hà Nội - Việt Nam)

15.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Đ/c: Tổ dân phố số 4 - La Khê - Hà Đông - Tp. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
27	Dixasyro	Mỗi 5 ml chứa: Dexamethason (dưới dạng Dexamethason natri phosphat) 2 mg	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 10 ống, 20 ống x 5ml	VD-32514-19
28	Pasepan	Paracetamol 300 mg; Cafein 15 mg; Vỏ sữa (dưới dạng cao đặc vỏ sữa 1/20) 5 mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ, 20 vỉ, 50 vỉ x 10 viên, Lọ 200 viên	VD-32515-19
29	Roxithromycin 300 mg	Roxithromycin 300 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	ĐĐVN IV	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-32516-19
30	Trivitamin B complex	Thiamin hydrochlorid 1 mg; Riboflavin 1 mg; Nicotinamid 15 mg	Viên nang cứng (vàng-xanh)	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Lọ 100 viên	VD-32517-19

16. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt (Đ/c: Số 124, đường Trường Chinh, p. Minh Khai, Tp. Phủ Lý, Hà Nam - Việt Nam)

16.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt (Đ/c: Lô C9, KCN Châu Sơn, Tp. Phủ Lý, Hà Nam - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
31	Tế sinh thận khí hoàn	Bột hỗn hợp được liệu (tương đương với: Sơn thù 0,6g; Phục linh 0,6g; Ngưu tất 0,3g; Hoài sơn 0,6g; Trạch tả 0,6g; Mẫu đơn bì 0,6g; Xa tiền tử 0,6g; Phụ tử chế 0,3g; Nhục quế 0,3g) 4,5g; Cao đặc Thục địa (tương đương với 0,3g được liệu Thục địa) 0,1g	Viên hoàn mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 viên hoàn mềm	VD-32518-19

17. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm (Đ/c: Số 04, đường 30/4, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)

17.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc (Đ/c: Lô B15/I-B16/I đường 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
32	Claminat IMP 200mg/28,5mg	Mỗi gói 0,8g chứa Amoxicilin (dưới dạng amoxicilin trihydrat powder) 200mg; Acid clavulanic (dưới dạng clavulanat kali : syloid 1:1) 28,5mg	Bột pha hỗn dịch uống	24 tháng	USP 41	Hộp 12 gói x 0,8g	VD-32519-19
33	Claminat IMP 400mg/57mg	Mỗi gói 1,6g chứa Amoxicilin (dưới dạng amoxicilin trihydrat powder) 400mg; Acid Clavulanic (dưới	Bột pha hỗn dịch uống	24 tháng	USP 41	Hộp 12 gói x 1,6g	VD-32520-19

		dạng Kali Clavulanat-syloid (1:1) 57mg					
--	--	--	--	--	--	--	--

18. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun (Đ/c: 521 khu phố An Lợi, phường Hoà Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

18.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun (Đ/c: 521 khu phố An Lợi, phường Hoà Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
34	Bình can	Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương ứng: Diệp hạ châu 2g, Nhân trần 2g, Bồ công anh 1g) 480 mg	Viên nang cứng (xanh lá cây)	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vi x 10 viên	VD-32521-19
35	Dextusol	Eucalyptol 100 mg; Tinh dầu gừng 0,5 mg; Tinh dầu tần 0,18 mg; Menthol 0,5 mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-32522-19
36	Tux-Asol	Levodropropizin 60 mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 10 viên; Lọ 100 viên	VD-32523-19

19. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân (Đ/c: Lô E2, đường N4, KCN Hoà Xá, xã Lộc Hòa, TP Nam Định, tỉnh Nam Định - Việt Nam)

19.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân (Đ/c: Lô E2, đường N4, KCN Hoà Xá, xã Lộc Hòa, TP Nam Định, tỉnh Nam Định - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
37	Cefixime 100mg	Mỗi gói 1,4g chứa Cefixim (dưới dạng cefixim trihydrat) 100 mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 1,4g	VD-32524-19
38	Cefixime 50mg	Mỗi gói 1,4g có chứa Cefixim (dưới dạng cefixim trihydrat) 50mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 1,4g	VD-32525-19
39	Midamox 750	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) 750 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-32527-19

19.2 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân (Đ/c: Lô N8, đường N5, KCN Hoà Xá, xã Mỹ Xá, TP Nam Định, tỉnh Nam Định - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
40	Citicoline 500mg/4ml	Mỗi ống 4 ml dung dịch tiêm chứa Citicolin (dưới dạng Citicolin natri) 500 mg	Dung dịch tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 5 ống x 4 ml	VD-32526-19

20. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà (Đ/c: 415- Hàn Thuyên - Nam Định - Việt Nam)

20.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm TAMY (Đ/c: Nhà liền kề 9- Khu Tecco, phường Quang Trung, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
41	Wzitamy	Metronidazol 500mg; Clotrimazol 100mg	Viên nén đặt âm đạo	30 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 6 viên; Hộp 1 lọ x 10 viên	VD-32528-19

21. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm OPC. (Đ/c: 1017 Hồng Bàng - quận 6 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

21.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC (Đ/c: Số 09/ĐX 04-TH, tổ 7, Ấp Tân Hóa, Xã Tân Vĩnh Hiệp - Tân Uyên - Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
42	Viên dị ứng kim ngân OPC	Cao lỏng Kim ngân OPC (tương đương với Kim ngân hoa 1333mg; Ké đầu ngựa 667mg) 500mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 10 viên	VD-32529-19

22. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV (Đ/c: Số 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam)

22.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV (Đ/c: Số 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
43	New Ameflu Night Time	Mỗi 5ml chứa: Phenylephrine HCl 2,5mg; Acetaminophen 160mg; Chlorpheniramine maleate 1mg	Si rô	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 30ml, 60ml	VD-32530-19

23. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình (Đ/c: 46 Đường Hữu Nghị - P. Bắc Lý - TP. Đồng Hới - Quảng Bình - Việt Nam)

23.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình (Đ/c: 46 Đường Hữu Nghị - P. Bắc Lý - TP. Đồng Hới - Quảng Bình - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
44	Cotriseptol 480 mg	Sulfamethoxazol 400mg; Trimethoprim 80mg	Viên nén	36 tháng	USP 40	Hộp 1 vỉ, 10 vỉ, 100 vỉ x 20 viên	VD-32531-19
45	Reduflu-N	Paracetamol 500mg; Dextromethorphan HBr 15mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 25 vỉ x 4 viên	VD-32532-19

24. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim (Đ/c: KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội - Việt Nam)

24.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim (Đ/c: KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
46	Venozyl	Metronidazol 500mg; Neomycin 65.000IU; Nystatin 100.000IU	Viên nén đặt âm đạo	24 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-32533-19

25. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (Đ/c: Lô Z.01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. HCM - Việt Nam)

25.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (Đ/c: Lô Z.01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. HCM - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
47	Amcoda 200	Amiodaron HCl 200mg	Viên nén	36 tháng	BP 2016	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-32534-19
48	Plaxsav 10	Benazepril (dưới dạng Benazepril hydroclorid 10mg) 9,2mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 41	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-32535-19
49	Plaxsav 5	Benazepril (dưới dạng Benazepril hydroclorid 5mg) 4,6mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 41	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-32536-19
50	Regulacid	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat) 40mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VD-32537-19

26. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3 (Đ/c: Số 16 - Lê Đại Hành - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - Tp. Hải Phòng - Việt Nam)

26.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3 (Đ/c: Số 28 - Đường 351 - Xã Nam Sơn - Huyện An Dương - Tp. Hải Phòng - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
51	Cao hy thiêm TW3	Mỗi chai 125ml chứa: Hy thiêm 124g; Thiên niên kiện 6,25g	Cao lỏng	36 tháng	TCCS	Chai 125ml	VD-32538-19
52	Thuốc ho bổ phế TW3	Cao đặc hỗn hợp dược liệu (trương đương: Tỳ bà diệp 92mg; Bách bộ 53mg; Tang bạch bì 53mg; Cát cánh 48mg; Bạc hà 46mg; Bán hạ 42mg; Mơ muối 42mg; Thiên môn đông 34mg; Bạch linh 25mg; Ma hoàng 18mg; Cam	Viên nén ngậm	24 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ x 12 viên	VD-32539-19

		thảo 17mg) 112mg; Tinh dầu Bạc hà 2,7mg					
--	--	---	--	--	--	--	--

27. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Đ/c: 160 - Tôn Đức Thắng - Đống Đa - Hà Nội - Việt Nam)

27.1 Nhà sản xuất: Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1-Pharbaco (Đ/c: Thanh xuân, Sóc Sơn, Hà nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
53	Bát Vị Bổ Thận Dương Trung Ương 1	Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương đương Hoài sơn 200mg; Sơn thù 200mg; Mẫu đơn bì 150mg; Thục địa 400mg; Trạch tả 150mg; Phục linh 150mg; Phụ tử chế 50mg; Quế nhục 50mg) 300mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-32540-19
54	Cầm Xuyên Hương Trung Ương 1	Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương đương Xuyên khung 132mg; Bạch chỉ 165mg; Hương phụ 132mg; Quế 6mg; Gừng 15mg; Cam thảo 5mg) 50mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên.	VD-32541-19
55	Hoạt Huyết Dưỡng Não Trung Ương 1	Cao khô rễ Đinh lăng (tương đương 1875mg Đinh lăng) 150mg; Cao khô lá Bạch quả 50mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên.	VD-32542-19
56	Hoạt Huyết Thông Mạch Trung Ương 1	Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương đương Sinh địa 400mg; Xuyên khung 400mg; Đương quy 500mg; Ích Mẫu 200mg; Ngưu tất 300mg; Dan sâm 200mg) 376mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên.	VD-32543-19

57	Khopharco	Cao khô hỗn hợp được liệu (tương đương Độc hoạt 322,6mg; Tang ký sinh 215,1mg; Quế nhục 215,1mg; Tần giao 215,1mg; Tế tân 215,1mg; Phòng phong 215,1mg; Ngưu tất 215,1mg; Đỗ trọng 215,1mg; Địa hoàng 215,1mg; Đương quy 215,1mg; Bạch thược 215,1mg; Xuyên khung 215,1mg; Nhân sâm 215,1mg; Phục linh 215,1mg; Cam thảo 215,1mg) 400mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên.	VD-32544-19
58	Phong Thấp Trung Ưong 1	Cao khô hỗn hợp được liệu (tương đương Hy thiêm 1670mg; Lá lốt 330mg; Ngưu tất 670mg; Thỏ phục linh 670mg) 287,36mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên.	VD-32545-19
59	Thuốc Ho Trung Ương 1	Mỗi 100 ml chứa: Cao khô hỗn hợp được liệu (tương đương Bách bộ 15g; Cát cánh 10g; Mạnh môn 8g; Trần Bì 6g; Cam thảo 4g; Bối mẫu 4g; Bạch quả 4g; Hạnh nhân 4g; Ma hoàng 6g) 6,1g	Cao lỏng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 100ml	VD-32546-19

28. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm VCP (Đ/c: xã Thanh Xuân- Sóc Sơn- Hà Nội - Việt Nam)

28.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm VCP (Đ/c: xã Thanh Xuân- Sóc Sơn- Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
60	Povidon iod 5%	Povidon iod 5% (kl/kl)	Kem bôi da	36 tháng	TCCS	Hộp 01 tuýp 15g	VD-32547-19

29. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Vian (Đ/c: Số 4 B3, tập thể Z179, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội - Việt Nam)

29.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco (Đ/c: 15 Đốc Binh Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
61	Maxibumol fort	Mỗi gói 1g chứa: Ibuprofen 200mg; Paracetamol 500mg	Thuốc cốm uống	36 tháng	TCCS	Hộp 12 gói x 1 g	VD-32548-19
62	Teaves	Mỗi gói 1,5g chứa: Thiamin mononitrat 4,85mg; Nicotinamid 20mg; Pyridoxin hydroclorid 2mg; Riboflavin 2mg	Thuốc cốm uống	36 tháng	TCCS	Hộp 12, 25, 100 gói x 1,5g	VD-32549-19

30. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt (Đông Dược Việt) (Đ/c: Đường số 5, KCN Long Hậu-Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An - Việt Nam)

30.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt (Đông Dược Việt) (Đ/c: Đường số 5, KCN Long Hậu-Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
63	Dạ dày đông dược việt	Cao đặc dạ dày 152mg (tương đương với 912mg dược liệu bao gồm: Hậu phác 192mg; Thương truật 180mg; Hương phụ 144mg; Trần bì 144mg; Thảo quyết minh 72mg; Gừng 72mg; Ô dược 72mg; Sa nhân 36mg; Bạch thực	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 50 viên, 60 viên, 100 viên	VD-32550-19

		192mg; Bán hạ bắc 72mg; Bạch linh 72mg; Bạch truật 60mg; Hồng hoa 36mg; Ô tặc cốt 20mg)					
64	Viên an thần Rutynda	Cao đặc hỗn hợp được liệu 500mg (tương đương với 2.160mg hỗn hợp được liệu gồm: Bình vôi 720mg; Lạc tiên 480mg; Vông nem 480mg; Liên diệp 480mg)	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vi, 3 vi x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 50 viên, 60 viên	VD-32551-19

31. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc (Đ/c: Số 777 đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc - Việt Nam)

31.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc (Đ/c: Thôn Mậu Thông-P.Khai Quang- TP. Vĩnh Yên- Tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
65	Vinphylin	Aminophylin 240mg/5ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	BP2016	Hộp 2, 4, 10 vi x 5 ống x 5ml	VD-32552-19

32. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái. (Đ/c: Số 725, Đường Yên Ninh, TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái. - Việt Nam)

32.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái. (Đ/c: Số 725, Đường Yên Ninh, TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái. - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
66	Bổ thận âm	Mỗi gói 4 g chứa: Thục địa 1 g; Hoài sơn 0,5 g; Sơn thù 0,5 g; Mẫu đơn bì 0,37 g; Phục linh 0,37 g; Trạch tả 0,37 g	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 4g	VD-32553-19

33. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Phúc Vinh (Đ/c: Lô CN 4-6.2 Khu Công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội - Việt Nam)

33.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Phúc Vinh (Đ/c: Lô CN 4-6.2 Khu Công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
67	Eu Tekynan	Metronidazol 500mg; Neomycin sulfat 65.000IU; Nystatin 100.000IU	Viên nén đặt phụ khoa	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-32554-19

34. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex (Đ/c: 358 Đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội - Việt Nam)

34.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex (Đ/c: 356 Đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
68	Amisea	Cao khô quả kê sữa (tương đương Silymarin 167mg) 277,8mg-312,5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên	VD-32555-19

34.2 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược TW Mediplantex (Đ/c: Nhà máy dược phẩm số 2: Trung Hậu, Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
69	Bogamax	Mỗi gói 7g gồm chứa: L-Arginin-L-Aspart at 5g	Cốm pha hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 15 gói, 20 gói, 30 gói x 7g	VD-32556-19
70	Euro Texgynal	Polymyxin B sulfat 35.000 IU; Nystatin 100.000 IU; Neomycin sulfat 35.000 IU	Viên nén đặt âm đạo	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-32557-19
71	Neurotech	Vitamin B1 (Thiamin nitrat) 100mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 200mg; Cyanocobalamin	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 6 vỉ x 5 viên	VD-32558-19

		200 mcg					
--	--	---------	--	--	--	--	--

35. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận (Đ/c: 192 Nguyễn Hội, phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận - Việt Nam)

35.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận (Đ/c: 192 Nguyễn Hội, phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
72	Prednison	Prednison 5mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vi x 10 viên; Chai 200 viên, 300 viên, 500 viên	VD-32559-19

36. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương (Đ/c: Số 102 Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương - Việt Nam)

36.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương (Đ/c: Số 102 Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
73	Tobramycin-TV	Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat) 40mg/ml	Dung dịch tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 10 ống, hộp 20 ống, hộp 50 ống, hộp 100 ống x 1ml	VD-32560-19

37. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược VTYT Hà Nam (Đ/c: Cụm công nghiệp Hoàng Đông, Duy Tiên, Hà Nam - Việt Nam)

37.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược VTYT Hà Nam (Đ/c: Cụm công nghiệp Hoàng Đông, Duy Tiên, Hà Nam - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
74	Bufecol 100 Effe Sachets	Mỗi gói 3g chứa: Ibuprofen 100mg	Thuốc cốm sủi bọt	24 tháng	TCCS	Hộp 12 gói, 18 gói, 24 gói x 3g	VD-32561-19
75	Bufecol 100 Susp	Mỗi 5ml chứa: Ibuprofen 100mg	Hỗn dịch uống	24 tháng	TCCS	Lọ 60ml, 90ml; Hộp 15 ống, 20 ống, 30 ống x 10ml; Hộp 20 ống, 30 ống, 40	VD-32562-19

						ống x 5ml	
76	Bufecol 200 Effe Sachets	Mỗi gói 3,5g chứa: Ibuprofen 200mg	Thuốc cốm sủi bọt	24 tháng	TCCS	Hộp 12, 18, 24 gói x 3,5g	VD-32563-19
77	Bufecol 200 Effe Tabs	Ibuprofen 200mg	Viên sủi bọt	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vi, 3 vi, 4 vi, 5 vi, 10 vi x 4 viên; Tuýp 10 viên	VD-32564-19
78	Bufecol 400 Effe Tabs	Ibuprofen 400mg	Viên sủi bọt	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vi, 3 vi, 4 vi, 5 vi, 10 vi x 4 viên; Tuýp 10 viên	VD-32565-19

38. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam (Đ/c: 273 phố Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội - Việt Nam)

38.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam (Đ/c: 192 Phố Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
79	Alusi	Magnesi trisilicat 500mg; Nhôm hydroxid khô 250mg	Viên nén nhai	36 tháng	TCCS	Lọ nhựa 10 viên, 30 viên	VD-32566-19
80	Alusi	Mỗi 2,5g bột chứa: Magnesi trisilicat 1,25g; Nhôm hydroxyd khô 0,625g	Thuốc bột uống	36 tháng	TCCS	Hộp 10 túi, 20 túi, 25 túi, 40 túi x 2,5g	VD-32567-19
81	Cao đặc trình nữ hoàng cung	Mỗi 5 kg cao đặc tương đương Trinh nữ hoàng cung 50kg	Nguyên liệu làm thuốc	36 tháng	TCCS	Túi PE 5 kg	VD-32568-19
82	Lacgelcy	Mỗi 5g kem chứa: Ketoconazole 75mg; Clobetasol propionate 1,25mg	Kem dùng ngoài da	36 tháng	TCCS	Hộp 10 túi, 20 túi, 50 túi x 5g; Hộp 1 tuýp x 60g; Hộp 1 chai 180g	VD-32569-19

39. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar (Đ/c: 297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

39.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar (Đ/c: 297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
83	Lantasim	Mỗi gói 1,5g chứa: Nhôm hydroxyd (dưới dạng Nhôm hydroxyd gel khô) 400mg ; Magnesi hydroxyd 400mg ; Simeticon 30mg	Viên nhai	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-32570-19
84	Maloxid Plus	Nhôm hydroxyd (gel khô) 200mg ; Magnesi hydroxyd 200mg ; Simethicone 25mg	Viên nhai	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-32571-19
85	Mekomulvit	Thiamin nitrat (vitamin B1) 2mg ; Riboflavin (vitamin B2) 2mg ; Nicotinamid (vitamin PP) 20mg ; Calci pantothenat (vitamin B5) 10mg ; Pyridoxin hydroclorid (vitamin B6) 2mg ; Cyanocobalamin (vitamin B12) 0,005mg	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Chai 100 viên	VD-32572-19

40. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần O2Pharm (Đ/c: 312/10/15 Trịnh Đình Trọng, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

40.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam (Đ/c: 192 Phố Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
86	Ocepado	Mỗi 5ml dung dịch chứa: paracetamol 120mg	Dung dịch uống	24 tháng	BP201 7	Hộp 1 chai 60ml	VD-32573-19
87	Ocerewel	Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid) 125mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid)	Viên nén phân tán	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vi x 10 viên; Hộp 5 vi x 10 viên	VD-32574-19

		125mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) 500mcg					
--	--	--	--	--	--	--	--

41. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Pymepharco (Đ/c: 166 - 170 Nguyễn Huệ, Tuy Hoà, Phú Yên - Việt Nam)

41.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Pymepharco (Đ/c: 166 - 170 Nguyễn Huệ, Tuy Hoà, Phú Yên - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
88	Tatanol Codein	Acetaminophen 500mg; Codein phosphat (dưới dạng Codein phosphat hemihydrat) 30mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 20 vỉ x 4 viên	VD-32575-19

42. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam (Đ/c: Lô 2A, Đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

42.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam (Đ/c: Lô 2A, Đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
89	Tophem	Sắt fumarat (tương đương 53,25mg sắt) 162mg; Acid Folic 0,75mg; Vitamin B12 7,5mcg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên, 200 viên, 500 viên	VD-32576-19

43. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần thương mại dược VTYT Khải Hà (Đ/c: Số 2A, phố lý bốn, phường Tiền Phong, Tp. Thái Bình - Việt nam)

43.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần thương mại dược VTYT Khải Hà (Đ/c: Số 2A, phố lý bốn, phường Tiền Phong, Tp. Thái Bình - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
90	Độc hoạt tang ký sinh	Cao khô hỗn hợp dược liệu 230mg tương đương với	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ x 20 viên; Hộp 01 lọ	VD-32577-19

		dược liệu: Độc hoạt 225mg; Quế nhục 150mg; Phòng phong 150mg; Đương quy 150mg; Tế tân 150mg; Xuyên khung 150mg; Tần giao 150mg; Bạch thược 150mg; Tang ký sinh 150mg; Địa hoàng 150mg; Đỗ trọng 150mg; Nhân sâm 150mg; Ngưu tất 150mg; Bạch linh 150mg; Cam thảo 150mg				x 60 viên, 100 viên	
91	Viên nang cứng Độc hoạt tang ký sinh	cao khô hỗn hợp dược liệu 310mg tương đương với dược liệu: Độc hoạt 300mg; Quế nhục 200mg; Phòng phong 200mg; Đương quy 200mg; Tế tân 200mg; Xuyên khung 200mg; Tần giao 200mg; Bạch thược 200mg; Tang ký sinh 200mg; Địa hoàng 200mg; Đỗ trọng 200mg; Nhân sâm 200mg; Ngưu tất 200mg; Bạch linh 200mg; Cam thảo 200mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ 10 viên; Hộp 1 lọ x 60 viên, 100 viên	VD-32578-19

44. Công ty đăng ký: Công ty CPDP PQA (Đ/c: Thửa 99, Khu Đồng Quàn, Đường 10, Xã Tân Thành, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định - Việt Nam)

44.1 Nhà sản xuất: Công ty CPDP PQA (Đ/c: Thửa 99, Khu Đồng Quàn, Đường 10, Xã Tân Thành, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
92	Cao lỏng PQA ho hen	Mỗi 5ml chứa: Cao lỏng hỗn hợp dược	Cao lỏng	36 tháng	TCCS	Chai 30ml; 60ml; 90ml;	VD-32579-19

		liệu (1,8:1) tương đương với Ma hoàng 2,25g; Quế chi 1,50g; Hạnh nhân 2,25g; Chích cam thảo 0,75g) 3,75g				125ml. Hộp 1 chai + 1 cốc đong; Hộp 10 ống, 15 ống, 20 ống, 25 ống, 50 ống x 5ml. Hộp 10 ống, 15 ống, 20 ống, 25 ống, 50 ống x 10 ml	
--	--	--	--	--	--	--	--

45. Công ty đăng ký: Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH) (Đ/c: TS 509, tờ bản đồ số 01, cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

45.1 Nhà sản xuất: Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH) (Đ/c: TS 509, tờ bản đồ số 01, cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
93	Maldena-Trigy	Metronidazol 500mg; Nystatin 100.000 UI; Neomycin sulfat 65000 UI	Viên nén đặt âm đạo	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ x 10 viên	VD-32580-19

46. Công ty đăng ký: Công ty liên doanh Meyer-BPC (Đ/c: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến tre - Việt Nam)

46.1 Nhà sản xuất: Công ty liên doanh Meyer-BPC (Đ/c: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến tre - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
94	Metti-M	Clotrimazol 100mg; Metronidazol 500mg	Viên nén đặt âm đạo	36 tháng	TCCS	Hộp 01 vỉ x 10 viên	VD-32581-19
95	Neonan-Meyer	Metronidazole 500mg; Neomycin sulfat 65000IU; Nystatin 100000 IU	Viên nén đặt âm đạo	36 tháng	TCCS	Hộp 01 vỉ x 10 viên	VD-32582-19
96	Parcamol	Methocarbamol 380mg; Paracetamol 300mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-32583-19

47. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Anh Thy (Đ/c: D7 - tổ dân phố Đình Thôn - Phường Mỹ Đình 1 - Quận Nam Từ Liêm - TP. Hà Nội - Việt Nam)

47.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế (Đ/c: Lô III-18 đường số 13 - Khu công nghiệp Tân Bình - Quận Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
97	Atsyp	Esomeprazol (dưới dạng esomeprazol magnesi dihydrat, dạng vi hạt bao tan trong ruột) 40mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD-32584-19

48. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Glomed (Đ/c: Số 35 Đại Lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

48.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm Glomed (Đ/c: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
98	Aplorar HCTZ 150/12.5	Irbesartan 150 mg; Hydrochlorothiazid 12,5 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 40	Hộp 2 vỉ x 14 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-32585-19
99	Aplorar HCTZ 300/12.5	Irbesartan 300 mg; Hydrochlorothiazid 12,5 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 40	Hộp 2 vỉ x 14 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-32586-19
100	Aplorar HCTZ 300/25	Irbesartan 300 mg; Hydrochlorothiazid 25 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 40	Hộp 2 vỉ x 14 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-32587-19

49. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Trường Tín (Đ/c: Lô IV-13, đường số 2, KCN Tân Bình, p. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

49.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược Hậu Giang (Đ/c: 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, P. An Hoà, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
101	Eugica	Eucalyptol 100mg ; Menthol 0,5mg; Tinh dầu tần	Viên nang mềm	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-32588-19

		0,18mg; Tinh dầu gừng 0,5mg					
--	--	-----------------------------	--	--	--	--	--

50. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma) (Đ/c: Lô 11D đường C - KCN Tân Tạo - Phường Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

50.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma) (Đ/c: Lô 11D đường C - KCN Tân Tạo - Phường Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
102	Decozaxtyl fort	Mephenesin 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 01 vỉ x 25 viên; Hộp 02 vỉ x 25 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-32589-19

51. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược thảo Hoàng Thành (Đ/c: Số 2B, Tổ 37, Khu tập thể đối ngoại, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội - Việt Nam)

51.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Dược thảo Hoàng Thành (Đ/c: Lô CN4, Cụm công nghiệp Quất Động mở rộng, huyện Thường Tín, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
103	Bài thạch Trường Phúc	Cao đặc hỗn hợp dược liệu (tương đương với: Kim tiền thảo 3,2g; Xa tiền tử 0,8g; Bạch mao căn 0,8g; Đương quy 0,8g; Sinh địa 0,8g; Ý dĩ 0,4g) 700 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên	VD-32590-19
104	Dạ dày Trường Phúc	Cao đặc hỗn hợp dược liệu (tương đương với: Chè dây 1,575g; Hương phụ 1,2g; Khương hoàng 1,2g; Bán hạ chế 0,45g; Cam thảo 1,05g; Sinh khương 0,6g; Mộc hương 0,075g; Trần bì 0,15g) 700 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên	VD-32591-19

105	Đại tràng Trường Phúc	Cao đặc hỗn hợp được liệu (tương đương với: Hoàng liên 1,35g, Mộc hương 1,2g, Bạch truat 0,9g, Bạch thược 0,9g, Ngũ bội tử 0,9g, Hậu phác 0,9 g, Cam thảo 0,45g, Xa tiền tử 0,45g, Hoạt thạch 0,15g) 700 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vi, 3 vi, 6 vi x 10 viên	VD-32592-19
-----	-----------------------	---	-------------------	----------	------	--------------------------------	-------------

52. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Hasan-Dermapharm (Đ/c: Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Phường Bình Hòa - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

52.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Hasan-Dermapharm (Đ/c: Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Phường Bình Hòa - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
106	Nifedipin Hasan 20 Retard	Nifedipin 20mg	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	VD-32593-19

53. Công ty đăng ký: Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam. (Đ/c: K63/1 Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 2, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp. HCM - Việt Nam)

53.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam (Đ/c: Số 40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
107	Vorifend 500	Glucosamin sulfat (dưới dạng glucosamin sulfat kali clorid tương đương 392,6mg glucosamin base) 500mg	Viên nén bao phim	24 tháng	USP 38	Hộp 6 vi x 10 viên	VD-32594-19

54. Công ty đăng ký: Công ty TNHH MTV 120 Armephaco (Đ/c: 118 Vũ Xuân Thiều, P. Phúc Lợi, Q Long Biên, TP. Hà Nội - Việt Nam)

54.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH MTV 120 Armephaco (Đ/c: 118 Vũ Xuân Thiều, P. Phúc Lợi, Q. Long Biên, TP. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
108	Unirogyl	Acetyl Spiramycin 100 mg; Metronidazol 125 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên.	VD-32595-19

55. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Phil Inter Pharma (Đ/c: Số 20, đại lộ Hữu Nghị, Khu CN Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)

55.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Phil Inter Pharma (Đ/c: Số 20, đại lộ Hữu Nghị, Khu CN Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
109	Ladyvagi	Neomycin sulfat 35.000 IU; Nystatin 100.000 IU; Polymycin B sulfate 35.000 IU	Viên nang mềm đặt âm đạo	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 6 viên	VD-32596-19

56. Công ty đăng ký: Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera (Đ/c: Lô A17 KCN Tứ Hạ, P. Tứ Hạ, TX. Hương Trà, Thừa Thiên Huế - Việt Nam)

56.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera (Đ/c: Lô A17 KCN Tứ Hạ, P. Tứ Hạ, TX. Hương Trà, Thừa Thiên Huế - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
110	Sidelenas ODT	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrate) 50	Viên nén phân tán trong miệng	24 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 4 viên	VD-32597-19

57. Công ty đăng ký: Mega Lifesciences Public Company Limited (Đ/c: 384 Moo 4, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 Road, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280 - Thailand)

57.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l (Đ/c: Số 2A, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam- Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
111	Auritz (CSNQ: Korea United Pharm. INC. Địa chỉ: 25-23, Nojanggongdan-gil, Jeondong-Myeon, Sejong-si, Hàn Quốc)	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci 10,4mg) 10mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-32598-19



CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Cường